

Số: 252/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT

Vĩnh Long, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 410/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHSPKTVL ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long về việc sáp nhập Trung tâm Đào tạo sau đại học và Bồi dưỡng chuyên môn vào phòng Đào tạo và Trung tâm Thực hành kể từ ngày 01/4/2023;

Xét đề nghị của trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực bắt đầu từ ngày ký và áp dụng cho các khóa học tuyển sinh từ năm 2024 của Trường. Các khóa trước đó vẫn áp dụng quy định đã ban hành tương ứng với các khóa đào tạo;

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị chức năng, khoa hoặc đơn vị trực thuộc, cá nhân có liên quan được giao nhiệm vụ tuyển sinh, đào tạo trình độ tiến sĩ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.ĐT, P.KT&ĐBCLGD.



Nguyễn Minh Sang

QUY CHẾ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 252/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐT
ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

- Quy chế này quy định chung về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ tại trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long (VLUTE).
- Quy chế này là căn cứ để nhà trường xây dựng và ban hành quy định chi tiết về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ áp dụng tại trường.
- Quy chế này không áp dụng đối với việc tuyển sinh, tổ chức đào tạo những chương trình ở trình độ tiến sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng (bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định về hợp tác và đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục).

Điều 2. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ tiến sĩ do VLUTE xây dựng, thẩm định và ban hành, đáp ứng yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và quy định về chuẩn CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).
- Nghiên cứu khoa học là thành phần chính yếu và bắt buộc trong CTĐT trình độ tiến sĩ, được quy định chi tiết tại quy chế này tùy theo yêu cầu của từng lĩnh vực, ngành đào tạo cụ thể. Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong luận án tiến sĩ và những công bố khoa học có liên quan của Nghiên cứu sinh (NCS).

Điều 3. Thời gian và hình thức đào tạo

- Thời gian đào tạo:
 - 03 năm (36 tháng) đối với NCS tập trung;
 - 04 năm (48 tháng) đối với NCS không tập trung;

NCS hoàn thành CTĐT trong thời gian này; mỗi NCS có một kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nằm trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS (theo mẫu tại Phụ lục I).

- NCS được phép hoàn thành CTĐT sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng), hoặc chậm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho phòng Đào tạo (PĐT),

trước khi thực hiện quy trình phản biện độc lập và thành lập Hội đồng đánh giá luận án.

3. Đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện theo hình thức chính quy; NCS phải dành đủ thời học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo (CSDT) theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

Điều 4. Tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải đáp những yêu cầu sau:

a) Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Có chức danh giáo sư (GS), phó giáo sư (PGS) hoặc có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với các học phần, môn học (sau đây gọi chung là học phần) đảm nhiệm trong chương trình đào tạo;

c) Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm trong CTĐT tiến sĩ.

2. Người chưa có chức danh GS, PGS phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau:

a) Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ;

b) Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn giảng dạy với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm được tính tới 0,75 điểm trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng giáo sư nhà nước (HĐGSNN) quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản (NXB) trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các NXB quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính);

c) Đối với giảng viên giảng dạy những chương trình thuộc lĩnh vực nghệ thuật có thể thay thế yêu cầu tại điểm b khoản này bằng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân do nhà nước trao tặng.

Điều 5. Tiêu chuẩn của Người hướng dẫn NCS

1. Người hướng dẫn (NHD) chính, NHD phụ và NHD độc lập NCS phải đáp ứng các tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại Điều 4 của Quy chế này.

2. Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn NCS, NHD chính, NHD độc lập, người đồng hướng dẫn khi không phân biệt giữa hướng dẫn chính và hướng dẫn phụ phải có thêm kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn liên quan tới đề tài luận án hướng dẫn, cụ thể như sau:



a) Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus) hoặc chương sách tham khảo do các NXB quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên, hoặc sách chuyên khảo do các NXB có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 4,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả); hoặc

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia hoặc quốc tế; hoặc của ít nhất 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia hoặc quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao.

3. Mỗi NCS có 01 hoặc 02 NHD, trong đó có 01 người là cán bộ cơ hữu của VLUTE hoặc có hợp đồng giảng dạy, nghiên cứu khoa học với Trường theo quy định của pháp luật; làm việc theo chế độ trọn thời gian tại VLUTE với thời hạn của hợp đồng phù hợp với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ và người hướng dẫn NCS

1. Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định tại các Điều 55, Điều 58 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), theo quy định của VLUTE và theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tại cùng một thời điểm, người có chức danh GS được hướng dẫn độc lập tối đa 07 NCS; người có chức danh PGS, hoặc có bằng tiến sĩ khoa học được hướng dẫn độc lập tối đa 05 NCS; người có bằng tiến sĩ được hướng dẫn độc lập tối đa 03 NCS. Trường hợp đồng hướng dẫn 01 NCS được tính quy đổi tương đương hướng dẫn độc lập 0,5 NCS.

3. Người hướng dẫn NCS có trách nhiệm:

a) Thông qua kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và hằng năm của NCS; hướng dẫn, hỗ trợ, đánh giá, theo dõi và đôn đốc NCS thực hiện nhiệm vụ học tập và nghiên cứu theo kế hoạch đã thông qua;

b) Đề xuất hoặc có ý kiến về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu của NCS;

c) Đề xuất để NCS được đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn và được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE;

d) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định VLUTE.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 7. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

1. Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ;

b) Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn CTĐT do Bộ GDĐT ban hành và của CTĐT tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các CSĐT, tổ chức khoa học và công nghệ;

d) Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

2. Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một CSĐT nước ngoài, phân hiệu của CSĐT nước ngoài ở Việt Nam hoặc CSĐT của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các CSĐT của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ GDĐT công bố.

3. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học CTĐT trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do VLUTE quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong CTĐT trình độ tiến sĩ.

4. Quy định của VLUTE quy định chi tiết yêu cầu về trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực ngoại ngữ, kinh nghiệm công tác và những yêu cầu khác đối với người dự tuyển tùy theo đặc điểm của từng lĩnh vực, ngành đào tạo và CTĐT cụ thể của nhà trường trên cơ sở những yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều này.

Điều 8. Hồ sơ dự tuyển

1. Hồ sơ dự tuyển bao gồm:



- a) Phiếu đăng ký dự tuyển (07 bản chính theo mẫu);
- b) Bằng tốt nghiệp đại học (07 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- c) Bằng tốt nghiệp thạc sĩ (07 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- d) Bảng điểm đại học (07 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- e) Bảng điểm thạc sĩ (01 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- f) Lý lịch cá nhân (01 bản chính theo mẫu, có đóng dấu giáp lai ảnh);
- g) Lý lịch khoa học (01 bản chính theo mẫu);
- h) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân (01 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- i) Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định tại khoản 2, điều 7 của quy chế này (01 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- j) Phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ của thí sinh (02 phong bì);
- k) Phiếu dán ảnh (dán kèm 3 ảnh 3x4 mới nhất, không quá 3 tháng);
 - l) Giấy xác nhận văn bằng tương đương của Cục Quản lý chất lượng đối với trường hợp văn bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (07 bản sao công chứng hoặc bản copy có mang theo bản gốc để đối chiếu);
- m) Một (01) bài báo hoặc báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học có chỉ số ISSN hoặc có kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN đối với trường hợp thí sinh tốt nghiệp thạc sĩ theo định hướng ứng dụng;
 - n) Đề cương nghiên cứu tổng quát (07 quyển, theo mẫu);
 - o) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của 01 nhà khoa học có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;
 - p) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

Điều 9. Tuyển sinh và công nhận NCS

1. Việc tuyển sinh được tổ chức 2 lần trong năm đáp ứng đủ điều kiện bảo đảm chất lượng triển khai đào tạo ở trình độ tiến sĩ theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh: Kết hợp giữa thi tuyển (Báo cáo đề cương NCS) và xét tuyển bảo đảm đánh giá minh bạch, công bằng, khách quan và trung thực về kiến thức, năng lực của người dự tuyển.

3. Thông báo tuyển sinh được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường ít nhất 30 ngày làm việc trước khi tổ chức tuyển sinh, trong đó bao gồm những thông tin về đối tượng và điều kiện dự tuyển; ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp; chỉ tiêu tuyển sinh; hồ sơ dự tuyển, kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; học phí, các chính sách miễn giảm học phí và hỗ trợ kinh phí cho NCS trong quá trình học tập (nếu có) và những thông tin cần thiết khác theo yêu cầu của CTĐT và của VLUTE.

4. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, Trường tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

5. Quyết định công nhận NCS phải có đầy đủ thông tin bao gồm: tên NCS, ngành đào tạo, tên đề tài luận án dự kiến, NHD hoặc đồng hướng dẫn, đơn vị chuyên môn quản lý NCS, thời gian đào tạo kèm theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa của NCS.

6. VLUTE quy định chi tiết về kế hoạch tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh và công nhận NCS; quy định về lưu trữ phục vụ công tác quản lý, thẩm định, giám sát, thanh tra và kiểm tra; quy định cụ thể trách nhiệm và chế tài xử lý vi phạm đối với tập thể, đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức tuyển sinh và công nhận NCS.

Điều 10. Thông báo tuyển sinh

1. Thông báo tuyển sinh căn cứ vào Đề án tuyển sinh đã công bố, được công khai trên trang thông tin điện tử của VLUTE và phương tiện thông tin đại chúng khác trước khi tổ chức tuyển sinh ít nhất 30 ngày làm việc, trong đó bao gồm đầy đủ thông tin:

- a) Điều kiện dự tuyển;
- b) Ngành tuyển sinh và yêu cầu chuyên môn phù hợp, danh mục ngành phù hợp được xét tuyển đối với từng ngành đào tạo trình độ tiến sĩ; danh sách người hướng dẫn đáp ứng quy định tại Điều 5 của quy chế này;
- c) Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành đào tạo;
- d) Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại Điều 8 của quy chế này. Thời gian nhận hồ sơ, lệ phí dự tuyển căn cứ theo thông báo tuyển sinh đã được công bố, ban hành tương ứng với từng năm;
- e) Kế hoạch và phương thức tuyển sinh, thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học, học phí và các chính sách có liên quan (Nếu có).

2. Trong quá trình tổ chức tuyển sinh, VLUTE thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và giám sát nội bộ theo quy định hiện hành.

3. Nội dung thông báo tuyển sinh đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với đề án tuyển sinh của VLUTE.

Điều 11. Hội đồng tuyển sinh, ban thư ký, Hội đồng sơ tuyển chuyên môn, Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh gồm chủ tịch, ủy viên thường trực và các ủy viên để thực hiện các công tác tuyển sinh.

2. Hội đồng tuyển sinh ra quyết định thành lập ban thư ký Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng sơ tuyển chuyên môn và Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của ban thư ký Hội đồng tuyển sinh:

- a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
- b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới đơn vị đào tạo;
- c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các Hội đồng sơ tuyển chuyên môn, Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu; tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét;
- d) Thông báo và gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển.
- e) Trách nhiệm của trưởng ban thư ký: Chịu trách nhiệm trước chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của ban thư ký.

4. Hội đồng sơ tuyển chuyên môn:

a) Hội đồng sơ tuyển chuyên môn bao gồm 06 thành viên: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng PĐT, lãnh đạo đơn vị đào tạo và bộ môn có ngành xét tuyển, trợ lý đào tạo sau đại học thuộc đơn vị đào tạo và chuyên viên PĐT phụ trách học vụ đào tạo trình độ tiến sĩ.

b) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, Hội đồng sơ tuyển chuyên môn xét duyệt hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh bao gồm các điều kiện dự tuyển theo quy định (bằng cấp, ngoại ngữ, bài báo khoa học, đề cương nghiên cứu, thư giới thiệu...), gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

5. Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu:

a) Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và đề cương nghiên cứu của các thí sinh, thủ trưởng đơn vị đào tạo sau đại học đề xuất các Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu trình chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định;

b) Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu bao gồm 05 thành viên có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ ít nhất 01 năm trở lên, có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo của thí sinh dự tuyển, am hiểu lĩnh vực và đề cương nghiên cứu của thí sinh, trong đó có NHD chính dự kiến. Thành phần Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu gồm có chủ tịch, thư ký và các ủy viên Hội đồng: Thành viên Hội đồng phải là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS và NHD.

c) Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, đề cương nghiên cứu tổng quát, khả năng nghiên cứu của thí sinh; xác định tên đề tài, đề xuất NHD chính thức. Xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ

giỏi, khá, trung bình, không đạt; gửi kết quả về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 12. Xét tuyển nghiên cứu sinh đối với công dân nước ngoài

Việc xét tuyển đối với công dân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài làm NCS tại VLUTE được thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT; các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 13. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thí sinh trình bày đề cương nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước Hội đồng chấm đề cương xét tuyển NCS. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu của ngành dự tuyển mà đơn vị chuyên môn đang thực hiện, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên Hội đồng đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: năng lực kiến thức chuyên môn, sự rõ ràng về ý tưởng đối với mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu, tính khả thi của đề tài và kế hoạch nghiên cứu, những tư chất cần có của một NCS.

2. Hội đồng chấm đề cương dự tuyển NCS đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển và thành tích nghiên cứu khoa học đã có, kinh nghiệm hoạt động chuyên môn và chất lượng đề cương nghiên cứu. Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu phải có bản nhận xét, đánh giá thí sinh.

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, Hội đồng chấm đề cương tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về ban thư ký Hội đồng tuyển sinh. Người đạt yêu cầu được xét tuyển phải có điểm chấm đề cương nghiên cứu tối thiểu đạt 6,5/10 trở lên theo tiêu chí chấm điểm đề cương ban hành.

4. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh xét tuyển theo Đề án tuyển sinh đã công bố và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã được Hiệu trưởng quyết định cho từng chuyên ngành đào tạo. Hiệu trưởng phê duyệt danh sách thí sinh trúng tuyển.

Điều 14. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, Trường gửi giấy báo trúng tuyển đến các thí sinh được xét tuyển.

2. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận NCS, ngành đào tạo, giao luận án tiến sĩ, phân công NHD và thời gian đào tạo của NCS.

Chương III

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 15. Tổ chức hoạt động đào tạo

1. Đào tạo trình độ tiến sĩ được triển khai theo hình thức chính quy được quy định

tại khoản 3 Điều 3 của Quy định này ở trụ sở.

2. VLUTE được tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tuyến và trực tiếp khi đáp ứng quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng Internet: có giải pháp bảo đảm chất lượng các học phần này không thấp hơn chất lượng học phần học trực tiếp, kết quả đánh giá học phần được đơn vị đào tạo lưu trữ như hình thức trực tiếp.

3. VLUTE được thỏa thuận để tổ chức giảng dạy những học phần học chung và công nhận kết quả học tập lẫn nhau với các cơ sở giáo dục đại học khác.

4. Việc đánh giá và tính điểm học phần trong CTĐT tiến sĩ được áp dụng quy định về đánh giá và tính điểm học phần theo Quy định đào tạo trình độ đại học, trong đó các học phần trình độ tiến sĩ đạt điểm từ 5,5 (điểm C) trở lên.

5. Ở tuần đầu của học kỳ đầu tiên, đơn vị đào tạo đề xuất danh sách gồm 05 thành viên để thành lập Hội đồng xét duyệt CTĐT cho từng NCS; các thành viên Hội đồng có trình độ tiến sĩ ít nhất 01 năm trở lên và có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, có ít nhất 2/3 thành viên đã tham gia Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu của NCS và phải có NHD chính. Trong thời hạn 01 tuần sau khi nhận được quyết định thành lập Hội đồng, đơn vị đào tạo tổ chức xét duyệt CTĐT (gồm các học phần tự chọn, bắt buộc) và gửi kết quả (Biên bản xét duyệt và CTĐT cá nhân của NCS) về PĐT. NCS phải hoàn thành việc lập kế hoạch học tập, CTĐT cá nhân (theo mẫu) và các đơn vị đào tạo gửi PĐT để trình ký và phối hợp quản lý tiến độ. Quá thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận NCS, những NCS chưa hoàn thành việc lập kế hoạch học tập và nghiên cứu toàn khóa sẽ bị xóa tên.

6. Biên bản xét duyệt CTĐT và CTĐT cá nhân được xem là hồ sơ đào tạo để VLUTE làm căn cứ xét tốt nghiệp.

7. CTĐT trình độ tiến sĩ gồm ba phần:

- a) Phần 1: Các học phần bổ sung;
- b) Phần 2: Các học phần trình độ tiến sĩ;
- c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

8. CTĐT trình độ tiến sĩ do các đơn vị đào tạo xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và yêu cầu quy định của CTĐT đã được Hiệu trưởng phê duyệt. Định kỳ 2 năm, đơn vị đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt các thay đổi về các học phần tự chọn (nếu có) trong CTĐT trước khi áp dụng; những học phần mới phải có đề cương chi tiết kèm theo và được công bố công khai.

9. Định kỳ 05 năm, các đơn vị đào tạo rà soát điều chỉnh CTĐT (nếu cần); các học phần mới phải có đề cương chi tiết kèm theo và được công bố công khai. Việc điều chỉnh CTĐT được Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Trường xem xét thông qua và Hiệu trưởng phê duyệt theo quy định trước khi thực hiện.

10. Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết và giao chuyên đề, tiểu luận tổng quan.

Tối đa 06 tháng kể từ ngày có Quyết định công nhận NCS, đơn vị đào tạo gửi hồ



sơ thành lập Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết và giao chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan về PĐT để trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng. Hội đồng chấm đề cương chi tiết và giao chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan gồm 05 thành viên có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ khoa học hoặc học vị tiến sĩ ít nhất 01 năm trở lên, có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo, có ít nhất 2/3 thành viên đã tham gia Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu của NCS trong đó phải có NHD chính. Hội đồng có trách nhiệm đánh giá đề cương chi tiết của đề tài đã được giao và xác định tên chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan cho phù hợp với nội dung đề tài luận án.

11. Nếu không có sự thống nhất giữa các thành viên Hội đồng và NCS về nội dung đề cương thì NCS có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

Điều 16. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp NCS có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của NCS.

1. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ: Các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc CTĐT định hướng nghiên cứu ngành tương ứng, được học trong những năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Khối lượng tín chỉ tối thiểu là 30 tín chỉ.

2. Đối với NCS đã có bằng thạc sĩ các ngành cần bổ sung kiến thức: Căn cứ vào các học phần đã tích lũy ở trình độ thạc sĩ, kiến thức cần cập nhật, bổ sung và yêu cầu của lĩnh vực, ngành đào tạo, Hội đồng xét duyệt CTĐT đề xuất số học phần và khối lượng tín chỉ NCS cần phải học bổ sung nhưng không quá 09 tín chỉ.

3. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào đề nghị của NHD (nếu có), Hội đồng xét duyệt CTĐT của NCS có thể yêu cầu NCS học bổ sung một số học phần hỗ trợ luận án tiến sĩ nhưng không quá 06 tín chỉ.

4. Hiệu trưởng quyết định các học phần NCS cần học bổ sung, khối lượng tín chỉ cần bổ sung theo quy định.

Điều 17. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp NCS cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu. Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 02 đến 03 tín chỉ. Mỗi NCS phải hoàn thành từ 04 đến 05 học phần với khối lượng tín chỉ thuộc trình độ tiến sĩ theo CTĐT đã được phê duyệt.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần tự chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài luận án của NCS hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết bài báo khoa học.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi NCS tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực

tiếp đến đề tài của NCS, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học qua đó giúp NCS giải quyết một số nội dung của đề tài luận án hoặc/và một phần kết quả nghiên cứu của đề tài luận án. Mỗi NCS phải hoàn thành 02 chuyên đề tiến sĩ, với khối lượng mỗi chuyên đề 03 tín chỉ. NHD chính/tập thể hướng dẫn được hướng dẫn tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ. Ngoài ra, NHD chính có thể đề xuất mời nhà khoa học cùng lĩnh vực nghiên cứu tham gia hướng dẫn chuyên đề tiến sĩ cho NCS.

4. Giao và chấm chuyên đề: Việc giao chuyên đề được thực hiện sau khi bảo vệ đề cương chi tiết. Tiểu ban chấm chuyên đề bao gồm 03 thành viên trong đó NHD chuyên đề là ủy viên. Trưởng tiểu ban phải là thành viên có học hàm hoặc có học vị tiến sĩ từ 03 năm trở lên. Mỗi chuyên đề tiến sĩ có tối đa 02 NHD. Thời gian tối đa hoàn thành chuyên đề là 06 tháng trước khi nộp hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ ở cấp đơn vị chuyên môn.

5. Tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án, đòi hỏi NCS thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã công bố của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề và tính mới mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Tiểu luận tổng quan có khối lượng 03 tín chỉ.

6. Giao và chấm tiểu luận tổng quan: Giao tiểu luận tổng quan thực hiện sau khi bảo vệ đề cương chi tiết. Tiểu ban chấm tiểu luận tổng quan cũng thực hiện như chuyên đề tiến sĩ.

7. Hiệu trưởng quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà NCS cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của NCS.

8. Tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ phải được viết theo quy định về viết luận án tiến sĩ. Khuyến khích NCS viết tiểu luận tổng quan và chuyên đề tiến sĩ bằng tiếng nước ngoài, đồng thời sử dụng kết quả nghiên cứu tham gia báo cáo tại các hội thảo khoa học trong và ngoài nước để được tính thành tín chỉ tích lũy.

Điều 18. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học của luận án là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình đào tạo. Nghiên cứu khoa học là cơ sở quan trọng nhất để NCS viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị đào tạo và NHD có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất và trang thiết bị thí nghiệm để hỗ trợ NCS thực hiện các hoạt động nghiên cứu. NHD khoa học và NCS chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của quốc gia và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Theo đó, luận án tiến sĩ có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện

luận của riêng NCS được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 19. Tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo

Để đảm bảo CTĐT trình độ tiến sĩ, NCS được lựa chọn tham gia 01 trong các hoạt động chuyên môn do VLUTE quy định. Thủ trưởng đơn vị đào tạo bố trí cho NCS trong quá trình thực hiện luận án tham gia các hoạt động chuyên môn, xác nhận kèm theo minh chứng các hoạt động chuyên môn của NCS.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn và công tác trợ giảng. Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn cho từng NCS. NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học.

- NCS tham gia các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.

Điều 20. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ (sau đây gọi tắt là luận án) là công trình nghiên cứu khoa học của NCS, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ.

Luận án được tính thời lượng **50 tín chỉ** trong CTĐT; được kết cấu và định dạng theo quy định VLUTE.

Điều 21. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Khi NCS đã có quyết định công nhận NCS, căn cứ trình độ của từng NCS, văn bằng NCS đã có, các học phần NCS đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, NHD và Hội đồng xét duyệt CTĐT đề xuất CTĐT cho NCS bao gồm các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ; các học phần ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có kết quả xét duyệt CTĐT cá nhân, đơn vị đào tạo thông báo đến NCS và NCS làm việc với NHD xây dựng kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trình đơn vị đào tạo phê duyệt và căn cứ vào đó thực hiện.

2. Tối đa 06 tháng sau khi có quyết định công nhận NCS, VLUTE thành lập Hội đồng đánh giá đề cương chi tiết của luận án tiến sĩ.

3. Trong thời gian 24 tháng đối với NCS có bằng thạc sĩ và 36 tháng đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ kể từ khi trúng tuyển, đơn vị đào tạo đề nghị Trường thành lập Hội đồng đánh giá giữa kỳ NCS để đánh giá tiến độ hoàn thành CTĐT của NCS và tư vấn nội dung luận án. Hội đồng có 05 thành viên có trình độ tiến sĩ ít nhất 01 năm trở lên, trong đó có sự tham gia của NHD (chính hoặc phụ hoặc đồng hướng dẫn), 03 thành viên đã tham gia Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu và đại diện PĐT.

Sau khi hoàn thành việc đánh giá giữa kỳ, đơn vị đào tạo gửi báo cáo tình hình học tập của NCS về PĐT để lưu hồ sơ và cập nhật tiến độ học tập của NCS.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan của NCS phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của NCS;

b) Đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo.

5. Học phần trình độ tiến sĩ đạt và được tích lũy khi có kết quả từ điểm 5,5 (điểm C) trở lên, học phần bổ sung trình độ thạc sĩ được tích lũy khi có kết quả từ điểm 5,5 (điểm C) trở lên. Các học phần chưa đạt NCS phải làm thủ tục đăng ký học lại đối với các học phần này. Điểm I được áp dụng dành cho các trường hợp chưa hoàn thành đầy đủ yêu cầu của học phần (NCS đã dự học, dự các lần kiểm tra giữa học kỳ), đã thực hiện các hoạt động liên quan đến học phần như thí nghiệm, thực hành nhưng vì lý do bất khả kháng như ốm đau, tai nạn... đã vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần và giảng viên phụ trách học phần chấp thuận cho kiểm tra bổ sung điểm sau khi hoàn thành). Để nhận được điểm I, NCS làm đơn kèm theo hồ sơ hợp lệ nộp cho giảng viên giảng dạy học phần xem xét và gửi PDT để xét duyệt. Thời hạn bổ sung điểm của học phần do giảng viên quy định nhưng không quá 01 năm kể từ ngày thi lần trước. Quá thời hạn trên, nếu NCS không hoàn thành sẽ bị điểm F.

6. Điểm chấm chuyên đề và tiểu luận tổng quan được đánh giá theo thang điểm 10 điểm đạt là điểm 5,5 (điểm C) trở lên. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Tiểu ban chấm chuyên đề, tiểu luận tổng quan nhưng chưa thực hiện đánh giá, Hội đồng tự giải tán và NCS phải làm giải trình đề nghị đơn vị đào tạo để tiến hành thủ tục thành lập tiểu ban chấm mới. Trong trường hợp NCS không hoàn thành chuyên đề, tiểu luận tổng quan trình Tiểu ban đánh giá đúng thời hạn thì mọi chi phí liên quan đến tổ chức và đánh giá của tiểu ban do NCS chi trả.

NCS có kết quả chuyên đề và tiểu luận tổng quan không đạt thì phải làm lại nếu còn đủ thời gian, chi phí tổ chức đánh giá do NCS chi trả. Thời gian đề nghị thành lập lại tiểu ban chấm sớm nhất là 01 tháng, chậm nhất là 03 tháng kể từ khi hợp đánh giá lần đầu.

Điều 22. Thay đổi trong quá trình đào tạo

1. NCS và NHD được đề xuất với VLUTE về việc thay đổi đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, thay đổi đơn vị chuyên môn phụ trách và chuyển cơ sở đào tạo. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của quy chế này.

2. NCS bị buộc thôi học trong những trường hợp sau:

a) Không hoàn thành CTĐT trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 của quy chế này;

b) Vi phạm nghiêm trọng quy định về thực hiện trách nhiệm của NCS hoặc quy định của pháp luật đã được Hội đồng chuyên môn hoặc cơ quan có thẩm quyền kết luận;

c) Vi phạm quy định của VLUTE ở mức độ buộc thôi học.

3. Việc thay đổi đề tài luận án được thực hiện khi NCS và NHD đảm bảo hoàn thành CTĐT quy định tại Khoản 2 Điều 3 của quy chế này. Thời gian đề nghị thay đổi



tên đề tài luận án sớm nhất là 03 tháng và trễ nhất là 24 tháng kể từ ngày có quyết định công nhận NCS; Trong trường hợp đổi tên đề tài luận án có thay đổi nội dung nghiên cứu, NCS trình bày đề cương nghiên cứu mới trước Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu trong đó có ít nhất 3/5 thành viên Hội đồng chấm đề cương nghiên cứu lần đầu. Việc thay đổi phải kèm theo điều chỉnh kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa và bảo đảm thời gian đào tạo tuân thủ quy định tại Điều 3 của Quy chế này. Chi phí của Hội đồng do NCS tự chi trả theo quy định của VLUTE.

4. Việc bổ sung hoặc thay đổi NHD được thực hiện chậm nhất trước khi luận án được trình tại Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn 12 tháng.

5. Việc chuyển trường được xem xét trong trường hợp thời hạn học tập của NCS còn tối thiểu 12 tháng theo quyết định công nhận NCS và cơ sở chuyển đến đang triển khai đào tạo ngành tương ứng ở trình độ tiến sĩ. Sau khi có sự đồng ý của Hiệu trưởng VLUTE, thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận NCS với thời gian đào tạo là thời gian học tập còn lại theo quyết định công nhận NCS của VLUTE (bao gồm cả thời gian gia hạn, nếu có). Việc công nhận kết quả học tập đã tích lũy và các học phần mà NCS cần bổ sung (nếu có) do thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định.

6. Hoàn thành CTĐT đúng hạn, gia hạn và rút ngắn thời gian học tập:

a) NCS được xác định hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu luận án đã được Hội đồng đánh giá cấp trường thông qua trong khung thời gian đào tạo tiêu chuẩn được phê duyệt kèm theo quyết định công nhận NCS của VLUTE được quy định tại Khoản 1 Điều 3 của quy chế này;

b) NCS được phép hoàn thành CTĐT sớm hơn so với kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa không quá 01 năm (12 tháng).

c) Trong thời gian gia hạn, NCS đóng học phí chậm tiến độ theo từng học kỳ, mức thu theo quy định của VLUTE. Các chi phí liên quan đến Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ do VLUTE chi trả.

d) Hết thời gian gia hạn, nếu luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua (bao gồm cả trường hợp cho phép đánh giá lại theo quy định) thì Hiệu trưởng quyết định cho NCS thôi học.

e) Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép NCS được rút ngắn thời gian học tập nếu NCS hoàn thành đầy đủ CTĐT theo quy định của quy chế này.

Điều 23. Công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu

1. Kết quả học tập, nghiên cứu của NCS đã tích lũy trong CTĐT tiến sĩ được bảo lưu, xem xét công nhận, chuyển đổi trong những trường hợp sau:

a) NCS bị thôi học và có nguyện vọng được tiếp tục theo học CTĐT thạc sĩ ngành tương ứng nếu đáp ứng những quy định của quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

b) NCS chuyển ngành đào tạo hoặc cơ sở đào tạo;

c) NCS đã thôi học, đăng ký dự tuyển lại và được công nhận là NCS mới của VLUTE đã theo học.

2. Việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu đã tích lũy của NCS phải phù hợp với nội dung, yêu cầu của CTĐT, được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Hội đồng chuyên môn. Trường hợp chuyển cơ sở đào tạo hoặc là NCS mới, việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu tối đa không quá 50% tổng khối lượng của CTĐT.

3. Thời hạn bảo lưu điểm: 05 năm kể từ ngày NCS có quyết định thôi học.

4. Thành phần Hội đồng chuyên môn xét chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu (xét tương đương): có 05 thành viên bao gồm Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo, Trưởng PĐT, lãnh đạo đơn vị chuyên môn, NHD chính của NCS và chuyên viên Khoa chuyên môn phụ trách công tác đào tạo tiến sĩ.

5. Quy trình thực hiện việc công nhận và chuyển đổi kết quả học tập, nghiên cứu của NCS.

a) Nội dung xét tương đương học phần:

- Học phần có cùng nội dung, tín chỉ bằng hoặc lớn hơn, điểm từ 5,5 điểm (điểm C) trở lên sẽ được xét tương đương đối với học phần trình độ tiến sĩ.

- Học phần có cùng nội dung, tín chỉ bằng hoặc lớn hơn, điểm từ 5,5 điểm (điểm C) trở lên sẽ được xét tương đương đối với học phần bổ sung trình độ thạc sĩ.

b) Đối tượng xét tương đương:

- NCS đã học các học phần tương đương chương trình sau đại học ở nước ngoài, trường hợp này không thu học phí các học phần được xét tương đương.

- NCS đã học các học phần tương đương tại VLUTE, trường hợp này không thu học phí các học phần được xét tương đương.

- NCS đã học các học phần tương đương ở các trường đại học khác ngoài VLUTE, trường hợp này thu 50% học phí học phần được xét tương đương.

c) Quy trình xét công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ học phần sau đại học của VLUTE được công bố trên website của PĐT.

Điều 24. Quyền và trách nhiệm của NCS trong quá trình đào tạo

NCS có quyền và trách nhiệm sau:

1. Thực hiện quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 60, Điều 61 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018).

2. Xây dựng và đề xuất kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết từng năm trên cơ sở kế hoạch toàn khóa đã được phê duyệt tại quyết định công nhận NCS, trong đó có kế hoạch làm việc và báo cáo với NHD; thực hiện kế hoạch đã được NHD và đơn vị đào tạo thông qua; định kỳ 06 tháng báo cáo tiến độ và kết quả học tập, nghiên cứu cho đơn vị đào tạo; đề xuất với NHD và đơn vị đào tạo về những thay đổi trong quá trình học tập, nghiên cứu.

3. Tham gia sinh hoạt khoa học tại đơn vị đào tạo như một giảng viên trợ giảng, nghiên cứu viên cơ hữu; tham gia thực hiện các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu theo phân công của NHD.

4. Tuân thủ quy định của VLUTE về liên chính học thuật, bảo đảm kết quả công bố xuất phát từ nghiên cứu của cá nhân với sự hỗ trợ của người hướng dẫn; ghi nhận và trích dẫn đầy đủ sự tham gia của cá nhân, tập thể hoặc tổ chức khác (nếu có).

5. Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của VLUTE.

a) Được tôn trọng và đối xử bình đẳng;

b) Được cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc học tập, nghiên cứu;

c) Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong VLUTE;

d) Thực hiện nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật. NCS là người nước ngoài (công dân nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, tôn trọng phong tục, tập quán của Việt Nam và Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam của Bộ GDĐT;

e) Thực hiện nghiêm túc quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của VLUTE;

f) Thực hiện kế hoạch học tập và nghiên cứu khoa học đúng thời hạn quy định theo CTĐT, kế hoạch của đơn vị đào tạo; báo cáo đầy đủ và đúng hạn về kết quả học tập, nghiên cứu, tham gia sinh hoạt chuyên môn và các thông tin khác theo yêu cầu của đơn vị đào tạo;

g) Trung thực trong khoa học, tôn trọng quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ;

h) Không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ các thành viên Hội đồng chấm luận án tiến sĩ trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án (như: đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; tiếp xúc để nhận các bản nhận xét luận án của thành viên Hội đồng):

i) Nộp đủ và đúng thời hạn các khoản kinh phí theo quy định của VLUTE.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của đơn vị đào tạo

Đơn vị đào tạo có quyền và trách nhiệm sau:

1. Đề xuất NHD có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án.

2. Thông qua kế hoạch học tập và nghiên cứu chi tiết hằng năm của NCS; tạo điều kiện, hỗ trợ, đôn đốc, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch học tập, nghiên cứu của NCS.

a) Xem xét và thông qua Hội đồng cấp khoa của đơn vị đào tạo trước khi trình Hiệu trưởng quyết định các học phần cần thiết trong CTĐT trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bổ sung trình độ thạc sĩ, các học "phần trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ; kế hoạch học tập, nghiên cứu chi tiết đối với từng NCS; giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của các NCS;

b) Sắp xếp và tổ chức cho giảng viên giảng dạy các học phần của CTĐT; đảm bảo tài liệu học tập của các học phần.

3. Tổ chức sinh hoạt khoa học định kỳ cho NCS; triển khai đánh giá luận án của NCS tại đơn vị chuyên môn; thông qua đề nghị cho NCS được bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

4. Thực hiện quản lý chặt chẽ NCS trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Quản lý việc tổ chức, đánh giá và lưu trữ kết quả đánh giá các học phần, chuyên đề, tiểu luận tổng quan của NCS đúng tiến độ và kế hoạch đào tạo. Định kỳ 06 tháng một lần báo cáo Hiệu trưởng thông qua PĐT về tình hình học tập, nghiên cứu của NCS. Tổ chức đào tạo theo CTĐT đã được duyệt. Tạo điều kiện để NCS được đi thực tập, nghiên cứu, tham gia hội nghị khoa học trong và ngoài nước. Hỗ trợ thiết bị, vật tư, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác đảm bảo cho việc học tập và nghiên cứu của NCS.

5. Đơn vị đào tạo tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho NCS để NCS báo cáo kết quả nghiên cứu; có thể phân công NCS giảng dạy, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập. Quy định lịch làm việc của NCS với NHD để NCS báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học và xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 26. Đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn

1. Việc đánh giá luận án tại đơn vị chuyên môn (cấp đơn vị chuyên môn) được tổ chức khi NCS đáp ứng đủ những yêu cầu sau đối với từng CTĐT trình độ tiến sĩ của VLUTE:

- a) Đã hoàn thành các học phần trong CTĐT tiến sĩ;
- b) Có bản thảo luận án tiến sĩ được người hướng dẫn hoặc đồng hướng dẫn đồng ý đề xuất được đánh giá cấp đơn vị chuyên môn;
- c) Là tác giả chính (tác giả thứ nhất) của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục WoS/Scopus, hoặc sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được HĐGSNN quy định khung điểm đánh giá tới 0,75 điểm trở lên theo ngành đào tạo, hoặc sách chuyên khảo do các NXB có uy tín trong nước và quốc tế phát hành; các công bố phải đạt tổng điểm từ 2,0 điểm trở lên tính theo điểm tối đa do HĐGSNN quy định cho mỗi loại công trình (không chia điểm khi có đồng tác giả), có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án;
- d) Yêu cầu tại điểm c khoản này có thể được thay thế bằng minh chứng là tác giả hoặc đồng tác giả của: 01 kết quả nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền sáng chế quốc gia, quốc tế; hoặc 01 giải thưởng chính thức của cuộc thi quốc gia, quốc tế được công nhận bởi cơ quan quản lý nhà nước có

thẩm quyền đối với lĩnh vực nghệ thuật và nhóm ngành thể dục, thể thao; có liên quan và đóng góp quan trọng cho kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận án.

2. Sau khi NCS đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, đơn vị đào tạo đề nghị danh sách từ 09 đến 11 thành viên có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có đủ tiêu chuẩn của người hướng dẫn NCS, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu giới thiệu tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn. Trong đó, có ít nhất 05 thành viên ngoài VLUTE và không quá 02 thành viên/cơ sở đào tạo để PDT trình Hiệu trưởng lựa chọn, ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn trong vòng 07 ngày làm việc kể từ lúc nhận đủ hồ sơ. Hồ sơ đề nghị thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn gồm có:

a) Danh sách đề nghị các thành viên tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn;

b) Văn bản chấp thuận của đồng tác giả về các công trình công bố có liên quan luận án;

c) Phiếu đề nghị được bảo vệ luận án cấp đơn vị chuyên môn của NCS có chữ ký của NHD;

d) Lý lịch khoa học mới trong thời hạn 06 tháng;

e) Sáu (06) quyển danh mục liệt kê và đính kèm các bài báo đã công bố (có bìa và mục lục của tạp chí đăng bài báo, có chỉ số ISSN);

f) Sáu (06) quyển luận án hoàn chỉnh có chữ ký của NCS và NHD;

g) Báo cáo quá trình học tập toàn khóa của NCS.

3. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn:

Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn gồm 05 thành viên có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ có đủ tiêu chuẩn của NHD, có chuyên môn phù hợp với đề tài nghiên cứu hoặc lĩnh vực nghiên cứu của NCS, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu; trong đó, có ít nhất 02 nhà khoa học ở ngoài VLUTE và một thành viên là NHD (có thể là người hướng dẫn chính hay phụ). Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, hai phản biện và ủy viên Hội đồng. Chủ tịch hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chuyên ngành phù hợp với nội dung luận án, có chức danh GS, PGS có công trình nghiên cứu liên quan đến luận án. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng.

Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu NCS sửa chữa, bổ sung.

4. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng gửi bản nhận xét cho thư ký Hội đồng trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án 07 ngày.

5. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những



trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt chủ tịch Hội đồng;

b) Vắng mặt thư ký Hội đồng;

c) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;

d) NCS đang trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

6. Thành viên Hội đồng phải là người không có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với NCS hoặc với người hướng dẫn NCS.

7. Số lượng nhà khoa học tham gia đánh giá lần sau (nếu có) phải đảm bảo trùng tối thiểu hai phần ba (2/3) với tổng số nhà khoa học được mời nhận xét luận án đã tham gia ở lần đánh giá trước để nhận xét quá trình hoàn thiện luận án của NCS.

8. Luận án chỉ được đề nghị đưa ra đánh giá ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường khi có tối thiểu ba phần tư (3/4) số nhà khoa học được mời nhận xét luận án ở lần đánh giá cấp đơn vị chuyên môn cuối cùng tán thành (ghi trong phiếu nhận xét luận án).

Người hướng dẫn và NCS tiếp thu và chỉnh sửa luận án theo góp ý của Biên bản đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn, kèm theo bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án của biên bản.

9. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn:

a) Công bố quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án (Thư ký);

b) Công bố danh sách thành viên có mặt và chương trình làm việc (Chủ tịch);

c) Thông qua các điều kiện cần để NCS được bảo vệ luận án (Thư ký);

d) Trình bày luận án (NCS trình bày không quá 30 phút);

e) Nhận xét luận án và trao đổi với NCS (không quy định thời gian):

- Hai (02) phản biện tuân tự nhận xét và trao đổi với NCS;

- Các thành viên còn lại tuân tự nhận xét và trao đổi với NCS;

- Chủ tịch Hội đồng nhận xét và trao đổi với NCS;

f) Nhận xét của NHD hay đại diện tập thể NHD về quá trình học tập của NCS và kết quả chung của luận án;

g) Hội đồng họp bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín, thảo luận quyết nghị, danh sách đề nghị Hội đồng đánh giá cấp trường (Tất cả các thành viên Hội đồng);

h) Công bố kết quả đánh giá và thông qua quyết nghị của Hội đồng (Chủ tịch);

i) NCS phát biểu ý kiến;

j) Tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ (Chủ tịch);

10. Đơn vị đào tạo và NCS hoàn thành hồ sơ đề nghị cho NCS bảo vệ luận án cấp



trường gửi về PDT trong thời gian tối đa là 90 ngày kể từ ngày bảo vệ ở Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn để tiến hành thủ tục gửi phản biện độc lập. Quá thời gian trên NCS phải làm giải trình lý do chậm trễ, thuyết minh tính thời sự của luận án để VLUTE căn cứ quyết định cho đánh giá lại luận án ở cấp đơn vị chuyên môn.

Điều 27. Phản biện độc lập luận án

1. Phản biện độc lập là quy trình bắt buộc trước khi luận án của NCS được đưa ra bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE (cấp trường). Chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm NCS hoàn thành thủ tục trình luận án sau khi đã được đơn vị chuyên môn thông qua, Trường phải hoàn thành quy trình phản biện độc lập cho NCS; riêng trường hợp phải thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thời gian được kéo dài thêm tối đa 03 tháng.

2. Luận án của NCS được gửi lấy ý kiến phản biện của 02 nhà khoa học hoặc chuyên gia đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Người phản biện độc lập không phải là cán bộ, viên chức của VLUTE, có chuyên môn phù hợp với đề tài luận án, đáp ứng tiêu chuẩn như đối với người hướng dẫn độc lập quy định tại Điều 5 của quy chế này;

b) Người phản biện độc lập không có lợi ích liên quan trực tiếp tới NCS và NHD; không có quan hệ cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột với NCS và với người hướng dẫn NCS; không có liên hệ hợp tác, hỗ trợ trực tiếp NCS về chuyên môn liên quan đến nội dung luận án và người hướng dẫn trong quá trình thực hiện luận án;

c) Người phản biện độc lập không được là đồng tác giả với NCS trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án, không là cấp dưới trực tiếp của NCS, không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với NCS.

3. Việc phản biện độc lập phải đảm bảo khách quan và minh bạch. Ý kiến kết luận của người phản biện độc lập đối với luận án phải ghi rõ đồng ý hay không đồng ý về chuyên môn. Luận án được xác định là đạt quy trình phản biện độc lập khi được 02 người phản biện độc lập đồng ý. Nếu có 01 người phản biện không đồng ý, VLUTE gửi luận án để lấy ý kiến của thêm 01 người phản biện độc lập khác làm căn cứ quyết định. Trong trường hợp 02 người phản biện độc lập không đồng ý về chất lượng chuyên môn của luận án, VLUTE yêu cầu NCS và NHD chỉnh sửa, bổ sung luận án và triển khai quy trình gửi lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ hai. Không thực hiện lấy ý kiến phản biện độc lập lần thứ ba.

4. Thông tin về người phản biện độc lập được giữ kín đối với NCS và NHD. Người phản biện độc lập không tiếp xúc hoặc yêu cầu NCS cung cấp thông tin, giải trình ý kiến phản biện. Mọi liên hệ với người phản biện trong quá trình phản biện độc lập thuộc trách nhiệm của VLUTE. Những ý kiến giải trình của NCS được gửi cho PDT và trình bày tại buổi bảo vệ luận án cấp trường.

5. Hồ sơ gửi về Trường (qua PDT) để tiến hành lấy ý kiến phản biện độc lập:

Căn cứ vào biên bản đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, NCS hoàn thiện luận án và đơn vị chuyên môn chuyển biên bản, luận án hoàn thiện và tóm tắt luận án



(tiếng Việt và tiếng Anh) về PĐT để tiến hành lấy ý kiến của các phản biện độc lập thẩm định chất lượng, luận án và chuẩn bị các thủ tục để thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường.

Hồ sơ gửi về PĐT bao gồm:

- a) Hai (02) quyển luận án hoàn chỉnh không có thông tin tên NCS và NHD;
- b) Hai (02) tóm tắt tiếng Việt và 02 tóm tắt tiếng Anh theo quy định không có thông tin tên NCS và NHD;
- c) Hai (02) quyển danh mục bài báo không có thông tin tên NCS và NHD;
- d) Một (01) quyển luận án hoàn chỉnh có thông tin tên NCS và NHD và cam đoan của NCS có xác nhận của NHD;
- e) Một (01) tóm tắt tiếng Việt và 01 tóm tắt tiếng Anh theo quy định có thông tin tên NCS và NHD;
- d) Một (01) quyển danh mục bài báo có thông tin tên NCS và NHD;
- g) Bản gốc hồ sơ đánh giá luận án tiến sĩ cấp đơn vị chuyên môn (Biên bản, Quyết nghị, Phiếu đánh giá, Biên bản kiểm phiếu và các phiếu nhận xét của các thành viên Hội đồng);
- h) Bản giải trình các ý kiến tiếp thu và hoàn thiện luận án của NCS có xác nhận của NHD và thành viên Hội đồng có ý kiến đề nghị xem lại.

6. Quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập; bảo mật danh tính và thông tin cá nhân của người phản biện độc lập (Phụ lục IV).

Điều 28. Đánh giá luận án tại VLUTE

1. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ để được bảo vệ tại Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE (cấp trường):

- a) Là báo cáo khoa học tổng hợp kết quả học tập và nghiên cứu của NCS, thể hiện NCS có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị làm gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề xuất những ý tưởng, giải pháp mới giải quyết những vấn đề đang đặt ra ở lĩnh vực nghiên cứu trong những hoàn cảnh thực tiễn cụ thể;
- b) Đạt quy trình phản biện độc lập;
- c) Tuân thủ quy định của VLUTE về hình thức trình bày, kiểm soát đạo văn và những tiêu chuẩn về liêm chính học thuật; minh bạch nguồn tham khảo kết quả nghiên cứu chung của NCS và của những tác giả khác (nếu có) và thực hiện đúng các quy định khác của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Yêu cầu đối với NCS trước khi đánh giá luận án:

NCS có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị đánh giá luận án theo quy định tại điểm a, b, c, d, e, f Khoản 2 Điều này; các tài liệu còn lại do đơn vị đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm.



Hồ sơ đề nghị đánh giá luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường bao gồm:

a) Toàn văn luận án đã chỉnh sửa theo góp ý của phản biện độc lập có chữ ký của NCS và NHD, (08 quyển);

b) Tóm tắt luận án (tiếng Việt và tiếng Anh) đã chỉnh sửa theo góp ý của phản biện độc lập, (08 bộ);

c) Danh mục liệt kê và đính kèm các bài báo đã công bố (08 quyển);

d) Trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh có chữ ký của NCS và NHD (1 bản);

e) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả.

d) Một (01) đĩa CD có 05 file (01 file PDF toàn văn luận án đã hoàn chỉnh theo góp ý của phản biện độc lập có chữ ký của NCS và NHD, 01 file PDF tóm tắt luận án tiếng Việt, 01 file PDF tóm tắt luận án tiếng Anh, 01 file Word trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt, 01 file Word trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Anh).

g) Văn bản của đơn vị chuyên môn đề nghị cho phép NCS được bảo vệ luận án ở Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

h) Giới thiệu danh sách gồm 15 thành viên đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường;

i) Bản nhận xét của NHD hoặc tập thể NHD.

3. Thành lập Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng:

Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE gồm 07 thành viên được BGH chọn lựa từ danh sách giới thiệu của Hội đồng đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn và đơn vị đào tạo gồm 15 thành viên đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường trong đó có ít nhất 08 thành viên ngoài VLUTE và tối đa 04 thành viên đã tham gia đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn, đảm bảo những yêu cầu sau:

a) Số lượng thành viên Hội đồng gồm 07 thành viên; trong đó, số thành viên có chức danh GS, PGS tối thiểu là 05 người; số thành viên đã tham gia đánh giá luận án cấp đơn vị chuyên môn tối đa không quá 03 người; số thành viên thuộc VLUTE tối đa không quá 04 người.

b) Thành phần Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, 03 ủy viên phản biện và ủy viên khác, trong đó có 01 phản biện là người của VLUTE và 02 phản biện là người ngoài VLUTE; phản biện không được là đồng tác giả với NCS trong những công bố khoa học có liên quan đến luận án; chủ tịch Hội đồng phải là GS, PGS ngành phù hợp với chuyên môn của đề tài luận án, là giảng viên hoặc nghiên cứu viên cơ hữu của VLUTE; 01 NHD của NCS có thể tham gia Hội đồng với tư cách là ủy viên;

c) Tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của thành viên Hội đồng như tiêu chuẩn về năng lực nghiên cứu của người hướng dẫn chính, người đồng hướng dẫn quy định tại Điều 5 trừ thư ký Hội đồng phải đáp ứng quy định như đối với giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ quy định tại Điều 4 của quy chế này;

d) Cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của NCS và của NHD không tham gia hội đồng.

e) Việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng được thực hiện trước khi họp đánh giá luận án 30 ngày, trên cơ sở đề nghị của đơn vị đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt trong các trường hợp bất khả kháng mà thành viên Hội đồng không thể tham gia buổi đánh giá luận án.

f) Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi đã hoàn thành việc đánh giá luận án hoặc quá 03 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được phiên họp đánh giá luận án. Trong trường hợp Hội đồng đánh giá luận án quá 03 tháng kể từ ngày thành lập mà chưa tổ chức được phiên họp đánh giá luận án, đơn vị đào tạo giải trình lý do để Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án lần thứ hai. Không ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án lần thứ ba.

4. Nhiệm vụ đối với Hội đồng và thành viên Hội đồng:

Từng thành viên Hội đồng có nhận xét, đánh giá luận án. Hội đồng phải bỏ phiếu và quyết nghị thông qua hoặc không thông qua luận án; yêu cầu những nội dung phải chỉnh sửa, bổ sung nếu cần thiết trong trường hợp thông qua; kiến nghị hoặc không kiến nghị tổ chức đánh giá lại trong trường hợp không thông qua. Luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn. Diễn biến của buổi đánh giá luận án được ghi biên bản; trong trường hợp tổ chức trực tuyến phải được ghi âm, ghi hình đầy đủ và lưu trữ tại VLUTE (PĐT).

Hội đồng phải có Quyết nghị về luận án. Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai và được ghi vào Biên bản họp Hội đồng.

Sau khi NCS hoàn thành việc bổ sung, chỉnh sửa luận án (nếu có) theo Quyết nghị của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, chỉnh sửa; chủ tịch, thư ký Hội đồng cùng với các thành viên khác được Hội đồng phân công (nếu có) có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của NCS để lưu tại Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam. NCS phải hoàn thành việc bổ sung, chỉnh sửa luận án (nếu có) theo Quyết nghị của Hội đồng trong thời gian là 45 ngày sau khi bảo vệ.

5. Yêu cầu tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cho NCS:

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ khi luận án của NCS đạt quy trình phản biện độc lập, VLUTE phải tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án. Việc tổ chức buổi đánh giá luận án cho NCS do VLUTE quyết định bảo đảm những yêu cầu sau:

a) Thời gian, địa điểm tổ chức buổi đánh giá luận án, tóm tắt luận án được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của VLUTE (trừ trường hợp đánh giá luận án theo chế độ mật): luận án được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 29 của Quy chế này;

b) Không tổ chức buổi đánh giá luận án khi thành viên Hội đồng có mặt dưới 05 người hoặc vắng mặt quá 02 người; Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu

xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- NCS đang trong thời gian thi hành án hình sự hoặc bị kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

e) Trường hợp VLUTE tổ chức đánh giá luận án trực tuyến phải bảo đảm có ít nhất 03 thành viên Hội đồng có mặt trực tiếp cùng NCS; trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh bất khả kháng thực hiện theo hướng dẫn cụ thể của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

d) Mọi thủ tục chuẩn bị tổ chức buổi đánh giá luận án do VLUTE thực hiện; NCS và NHD không tiếp xúc hoặc liên hệ với các thành viên Hội đồng trước buổi đánh giá luận án; PĐT và đơn vị đào tạo trực tiếp thực hiện công tác chuẩn bị và tổ chức đánh giá luận án. NCS và NHD không tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án, không tiếp xúc với các thành viên Hội đồng trước khi bảo vệ luận án;

6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án:

Hiệu trưởng ra Quyết định thành lập Hội đồng xét điều kiện bảo vệ luận án cho NCS bao gồm 05 thành viên: Phó Hiệu trưởng phụ trách đào tạo SDH; Trưởng PĐT; lãnh đạo và trợ lý đào tạo SDH ở đơn vị đào tạo; chuyên viên phụ trách đào tạo tiến sĩ của PĐT.

Điều kiện tổ chức họp Hội đồng đánh giá luận án cấp trường:

a) Toàn văn luận án, tóm tắt luận án; tóm tắt ý kiến của các phản biện độc lập và bản giải trình tiếp thu, chỉnh sửa của NCS được gửi đến các thành viên Hội đồng đánh giá luận án tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án.

b) Từng thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án và các ý kiến, nội dung tiếp thu, chỉnh sửa, giải trình của NCS về nhận xét của các phản biện độc lập bằng văn bản gửi đến đơn vị đào tạo chậm nhất là 15 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án của NCS;

e) Thời gian, địa điểm tổ chức bảo vệ luận án, tóm tắt và toàn văn luận án, trang thông tin về những điểm mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của VLUTE, trên báo trung ương hoặc địa phương tối thiểu 20 ngày trước ngày họp Hội đồng đánh giá luận án, trừ những luận án được phép bảo vệ mật theo quy định tại Điều 29 quy chế này;

d) Luận án, tóm tắt luận đã được trưng bày ở phòng đọc tại thư viện VLUTE trước ngày bảo vệ ít nhất 30 ngày;

e) Không có khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận án trước buổi họp của Hội đồng đánh giá luận án.

7. Nội dung buổi đánh giá luận án cấp trường:

a) Mỗi thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu đầy đủ về luận án trước

khi đánh giá; nội dung luận án các công trình khoa học đã công bố từ nội dung luận án; tóm tắt ý kiến của các phản biện độc lập và giải trình của NCS phải được trình bày công khai trước Hội đồng để xem xét, đánh giá;

b) Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu (tán thành hoặc không tán thành), luận án được thông qua nếu không có hoặc chỉ có 01 thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá không đồng ý về chuyên môn;

c) Hội đồng phải có quyết nghị về luận án, trong đó nêu rõ: Kết quả đánh giá luận án của các thành viên Hội đồng; những đóng góp mới của luận án về lý luận và thực tiễn; những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án; tính trung thực của kết quả nghiên cứu; kết luận của Hội đồng về việc thông qua luận án (bao gồm cả yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, nếu có) hoặc không thông qua luận án và lý do, kiến nghị công nhận trình độ, cấp bằng tiến sĩ cho NCS;

d) Quyết nghị của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai;

e) Biên bản buổi đánh giá luận án cấp trường được toàn thể thành viên Hội đồng có mặt thông qua và có chữ ký xác nhận của chủ tịch và thư ký Hội đồng; (theo mẫu).

8. Trình tự tiến hành buổi đánh giá luận án cấp trường:

a) Tuyên bố lý do (Trưởng PĐT đọc quyết định của Hiệu trưởng và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển buổi bảo vệ);

b) Công bố danh sách thành viên có mặt và chương trình làm việc (Chủ tịch);

c) Thông qua lý lịch khoa học của NCS và các điều kiện cần để NCS được bảo vệ luận án (Thư ký):

d) Các ý kiến thắc mắc về lý lịch khoa học và quá trình đào tạo của NCS (nếu có) (Chủ tịch);

e) NCS trình bày luận án (không quá 30 phút);

f) Tóm tắt ý kiến của phản biện độc lập và giải trình của NCS (Thư ký);

g) Nhận xét luận án và trao đổi trực tiếp (hỏi/đáp) với NCS:

- 03 Phản biện (tuần tự) nhận xét và trao đổi với NCS (không quá 15 phút/phản biện).

- 03 thành viên Hội đồng nhận xét và trao đổi với NCS (không quá 10 phút/thành viên).

- Chủ tịch Hội đồng nhận xét và trao đổi với NCS (không quá 10 phút).

- Khách mời trao đổi với NCS (không quá 10 phút).

h) NHD (hay đại diện tập thể NHD): phát biểu ý kiến bằng văn bản về quá trình học tập của NCS (không nói về nội dung luận án của NCS);

l) Họp riêng bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín và thảo luận Quyết nghị (các thành viên HĐ), trong Quyết nghị ghi rõ phân công thành viên đọc lại và ký vào Bản giải trình



luận án của NCS sau khi NCS chỉnh sửa theo Quyết nghị của Hội đồng;

- j) Công bố kết quả đánh giá luận án (Trưởng ban kiểm phiếu);
- k) Thông qua Quyết nghị của Hội đồng (Chủ tịch);
- l) Phát biểu ý kiến của NCS;
- m) Trao Giấy chứng nhận bảo vệ thành công luận án tiến sĩ cho NCS (Chủ tịch);
- n) Tuyên bố kết thúc buổi bảo vệ (Chủ tịch);
- o) Tặng hoa, chụp hình lưu niệm...

Điều 29. Đánh giá luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đề tài luận án liên quan đến bí mật quốc gia thuộc danh mục bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định thì VLUTE phải xác định tính chất mật của đề tài ngay sau khi có quyết định công nhận NCS, báo cáo Bộ GDĐT kèm theo minh chứng và phải được Bộ GDĐT đồng ý bằng văn bản.

2. NCS thực hiện những đề tài luận án được xác định là mật phải đáp ứng những yêu cầu chung đối với NCS, riêng các yêu cầu quy định tại điểm c và điểm, khoản 1 Điều 26 của quy chế này có thể thay thế bằng những báo cáo nội bộ có giá trị về khoa học và thực tiễn của lĩnh vực nghiên cứu được VLUTE xác nhận.

3. VLUTE quy định chi tiết việc tổ chức đào tạo, nghiên cứu, đánh giá luận án, quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật (theo quy định của VLUTE về quản lý hồ sơ và tài liệu liên quan theo quy định bảo mật của pháp luật).

Điều 30. Đánh giá lại luận án tại VLUTE

1. Trong trường hợp luận án của NCS không được Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE thông qua ở buổi bảo vệ lần thứ nhất nhưng được Hội đồng kiến nghị cho phép bảo vệ lại, chậm nhất không quá 06 tháng tính từ thời điểm tổ chức đánh giá luận án lần thứ nhất, VLUTE quyết định thành lập Hội đồng đánh giá và tổ chức cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai, nhưng tổng thời gian đào tạo không vượt quá 06 năm (72 tháng) tính từ ngày quyết định công nhận NCS có hiệu lực đến thời điểm hoàn thành các thủ tục trình luận án cho VLUTE ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường lần thứ hai.

2. Không tổ chức đánh giá lại luận án khi không có kiến nghị của Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất; không tổ chức đánh giá luận án lần thứ ba.

3. Hồ sơ đề nghị bảo vệ lại luận án lần thứ hai, ngoài các nội dung như lần bảo vệ thứ nhất, phải có thêm bản giải trình về bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện luận án của NCS được NHD đồng ý, xác nhận và văn bản đề nghị của đơn vị đào tạo cho NCS được bảo vệ luận án lần thứ hai;

4. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE lần thứ hai phải có tối thiểu 03 thành viên đã tham gia Hội đồng lần thứ nhất, trong đó có đủ những thành viên có ý kiến không tán thành luận án.

Điều 31. Công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ



1. NCS được xét công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ khi đáp ứng những yêu cầu sau:

a) Luận án của NCS đã được Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE đồng ý thông qua;

b) NCS đã nộp cho VLUTE (cả bản in và bản điện tử) luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, xác nhận của NHD; xác nhận của chủ tịch, thư ký và thành viên Hội đồng được phân công đọc lại luận án sau khi đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án (nếu có);

c) NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam (cả bản điện tử và bản in) tóm tắt luận án và toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng có chữ ký của NCS, chữ ký của NHD và xác nhận của VLUTE.

2. VLUTE đăng toàn văn luận án hoàn chỉnh cuối cùng của NCS trên trang thông tin điện tử của VLUTE (trừ những luận án được đánh giá theo chế độ mật) trong thời gian 03 tháng kể từ khi NCS đáp ứng đủ yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, VLUTE tổ chức xét và ban hành quyết định công nhận trình độ tiến sĩ cho NCS.

4. VLUTE lập hồ sơ xét công nhận trình độ tiến sĩ và cấp bằng tiến sĩ, bao gồm:

a) Biên bản của Hội đồng đánh giá luận án tại VLUTE;

b) Quyết nghị đồng ý thông qua luận án của Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE;

c) Biên bản kiểm phiếu, phiếu đánh giá luận án có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng có mặt tại buổi đánh giá luận án;

d) Danh sách có chữ ký của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án tại VLUTE có mặt tại buổi đánh giá luận án của NCS;

e) Bản nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn NCS; bản xác nhận đã hoàn thành chỉnh sửa, bổ sung luận án của NHD và Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án (nếu có);

Những tài liệu khác theo quy định của VLUTE về cấp phát và quản lý văn bằng.

5. VLUTE thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho NCS trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày quyết định công nhận trình độ tiến sĩ có hiệu lực.

Chương V**KIỂM TRA HỒ SƠ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ THẨM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG LUẬN ÁN****Điều 32. Nguyên tắc chọn kiểm tra, thẩm định và quy trình thực hiện**

1. Việc kiểm tra hồ sơ quá trình đào tạo, thẩm định chất lượng luận án do Bộ GDĐT thực hiện trong những trường hợp sau:

a) Kiểm tra, thẩm định ngẫu nhiên theo yêu cầu của công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế này và những quy định có liên quan;

b) Kiểm tra, thẩm định đối với những trường hợp cụ thể khi có phản ánh, khiếu nại hoặc tố cáo.

2. Danh mục hồ sơ kiểm tra, thẩm định:

a) Kiểm tra quá trình đào tạo: Hồ sơ dự tuyển và quyết định công nhận NCS; hồ sơ buổi đánh giá luận án tại VLUTE; hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ;

b) Thẩm định chất lượng luận án: Luận án tiến sĩ; tóm tắt luận án tiến sĩ; bản sao các công bố kết quả nghiên cứu của NCS.

3. Quy trình kiểm tra, thẩm định:

a) Bộ GDĐT thông báo bằng văn bản danh sách những trường hợp cần kiểm tra quá trình đào tạo hoặc thẩm định chất lượng luận án trên cơ sở báo cáo định kỳ của VLUTE;

b) VLUTE gửi 01 bộ hồ sơ đối với kiểm tra quá trình đào tạo hoặc 03 bộ hồ sơ đối với thẩm định chất lượng luận án về Bộ GDĐT;

c) Bộ GDĐT tiến hành kiểm tra, thẩm định và có văn bản thông báo kết quả với VLUTE trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 33. Xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định

1. Kết quả kiểm tra, thẩm định đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do VLUTE cung cấp đủ minh chứng bảo đảm việc tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo và quy trình tổ chức đánh giá luận án đáp ứng yêu cầu của VLUTE được áp dụng cho NCS theo quy định;

b) Chất lượng luận án được tối thiểu 02 trong 03 nhà khoa học có chức danh GS, PGS có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, với chuyên môn phù hợp, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của NCS thẩm định và có ý kiến đồng ý về chuyên môn.

2. Kết quả kiểm tra, thẩm định không đạt yêu cầu trong những trường hợp sau:

a) Hồ sơ quá trình đào tạo do VLUTE cung cấp không đủ minh chứng đáp ứng những quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án theo quy chế này và quy định của VLUTE được áp dụng cho NCS;



b) Chất lượng luận án không được 02 trong 03 nhà khoa học thẩm định đồng ý về chuyên môn.

3. Đối với những trường hợp hồ sơ kiểm tra quá trình đào tạo chưa đạt yêu cầu, VLUTE có trách nhiệm giải trình những vấn đề liên quan, bổ sung minh chứng và đề xuất hướng xử lý với Bộ GDĐT theo quy định hiện hành.

4. Đối với những trường hợp chất lượng luận án không đạt yêu cầu:

a) Bộ GDĐT quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án để xem xét, đánh giá và quyết nghị về chất lượng luận án; ủy quyền VLUTE tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ GDĐT;

b) Hội đồng thẩm định có 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 03 thành viên không là phản biện độc lập hoặc thành viên Hội đồng đánh giá luận án; những nhà khoa học thẩm định không tán thành luận án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này là thành viên đương nhiên của Hội đồng;

c) Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng thẩm định luận án như tiêu chuẩn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng đánh giá luận án của VLUTE quy định tại khoản 2 Điều 28 của quy chế này;

d) Hội đồng thẩm định luận án chỉ họp khi có mặt tối thiểu 06 thành viên bao gồm chủ tịch, thư ký và các thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án;

e) Luận án không đạt yêu cầu thẩm định khi có từ 02 thành viên Hội đồng thẩm định luận án có mặt trở lên không thông qua. Trong trường hợp này, VLUTE tổ chức và chủ trì đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng đánh giá luận án có sự tham dự của đại diện Bộ GDĐT. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp tối thiểu là 09 người, trong đó chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của cả hai Hội đồng phải có mặt. Luận án không được thông qua nếu có từ 03 thành viên có mặt tại buổi đối thoại trở lên không tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về chất lượng luận án.

5. Trường hợp quá trình đào tạo và chất lượng luận án sau khi thực hiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này vẫn không đạt yêu cầu, VLUTE xem xét, quyết định thực hiện theo các phương án sau:

a) Nếu NCS chưa được cấp bằng tiến sĩ, VLUTE cho phép NCS bổ sung, hoàn thiện các điều kiện để được cấp bằng (đối với trường hợp kiểm tra quá trình đào tạo) trong thời gian đào tạo ghi tại quyết định công nhận NCS và bao gồm cả thời gian được phép kéo dài (nếu có); hoặc được đánh giá lại luận án nếu chưa đánh giá lần thứ hai (đối với trường hợp thẩm định chất lượng luận án) trong thời hạn tối đa 06 tháng;

b) Nếu NCS đã được cấp bằng tiến sĩ, việc thu hồi bằng được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp: hồ sơ quá trình đào tạo được xác nhận có vi phạm, sai sót nghiêm trọng dẫn đến người được cấp bằng không còn bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện dự tuyển, công nhận NCS và duy trì các điều kiện bảo đảm chất lượng trong quá trình học tập và nghiên cứu tại VLUTE; sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận án và bị Hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích



dẫn đó thì luận án không đáp ứng yêu cầu quy định của quy chế này; luận án của NCS không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều này.

6. Trong thời gian tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ GDĐT về kết quả kiểm tra, thẩm định cuối cùng hoặc ngày có kết quả cuộc họp đối thoại, VLUTE có văn bản báo cáo Bộ GDĐT về việc xử lý kết quả kiểm tra, thẩm định kèm theo minh chứng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Xây dựng và thực hiện Quy định của VLUTE

1. Căn cứ Quy chế của Bộ GDĐT ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT và những quy định hiện hành khác có liên quan, VLUTE có trách nhiệm:

a) Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy định của VLUTE; cụ thể hóa với yêu cầu ngang bằng hoặc cao hơn nhưng không trái với những quy định của Quy chế Bộ GDĐT ban hành kèm theo Thông tư 18/2021/TT-BGDĐT;

b) Thực hiện trách nhiệm trong công tác bảo đảm chất lượng giáo dục theo quy định tại Điều 50. Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

c) Thực hiện trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 41 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018);

d) Tăng cường liên chính học thuật; giám sát và kiểm soát việc chống sao chép; xây dựng chế tài, nghiêm túc xử lý khi có vi phạm; bảo đảm tính trung thực của nội dung những luận án tiến sĩ được đánh giá tại VLUTE;

e) Xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo tiến sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực GDĐT;

f) Có kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra hằng năm việc thực hiện quy chế của VLUTE về tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng trình độ tiến sĩ;

g) Tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho NCS trước khi bắt đầu khóa học quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của VLUTE và những quy định liên quan khác đến quá trình học tập, nghiên cứu; quy định về quyền và trách nhiệm của NCS;

h) Tổ chức kiểm tra, thanh tra nội bộ việc thực hiện kế hoạch, chương trình, quy định của VLUTE và các nhiệm vụ khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo và cấp bằng ở trình độ tiến sĩ; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ GDĐT và các cơ quan có thẩm quyền theo các quy định hiện hành.

2. VLUTE thực hiện giải trình theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Chế độ lưu trữ, báo cáo và công khai thông tin

1. VLUTE có trách nhiệm:

a) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu nội bộ và cập nhật dữ liệu về đào tạo tiến sĩ trong cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học bao gồm: Thông tin tuyển sinh; thông tin của NCS; thông tin của giảng viên và người hướng dẫn; thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ liên quan đến đào tạo tiến sĩ; thông tin về cấp bằng tiến sĩ; tóm tắt và toàn văn luận án hoàn chỉnh của NCS đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam;

b) Lưu trữ và bảo quản hồ sơ tuyển sinh và quá trình đào tạo và cấp văn bằng của NCS theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn trong năm, VLUTE báo cáo Bộ GDĐT danh sách NCS đã bảo vệ và luận án đã được thông qua tại Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp trường trong 02 tháng trước đó; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. VLUTE phải công khai trên trang thông tin điện tử của VLUTE trước khi tuyển sinh và tổ chức đào tạo:

a) Quy định của VLUTE và quy định quản lý đào tạo có liên quan đến tuyển sinh, tổ chức đào tạo và cấp bằng tiến sĩ;

b) Các điều kiện đảm bảo chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT và những thông tin khác theo quy định.



HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Sang

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA
CỦA NGHIÊN CỨU SINH**

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 -06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của NCS được xây dựng căn cứ vào quy định của CSĐT về CTĐT tiến sĩ đã công bố.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH
CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

**MẪU BÁO CÁO
DANH SÁCH NCS BẢO VỆ LUẬN ÁN
CÁC THÁNG TRONG NĂM**

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐHSPTK VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH ĐÃ BẢO VỆ LUẬN ÁN TIỀN SĨ
(Tháng năm)

STT	Họ và tên NCS	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên đề tài	Ngành, mã số	Ngày bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá của CSĐT	Kết quả đánh giá	Ghi chú

Lãnh đạo CSĐT
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục IV
(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT
ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

MẪU BÁO CÁO
CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU SINH ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐHSPTK VINH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NCS NĂM

I. Danh sách nghiên cứu sinh học tập, nghiên cứu trong năm ...

STT ¹	Họ và tên NCS	Ngày sinh	Giới tính	Mã số CCCD/Hộ chiếu	Quốc tịch	Khoa đào tạo ²	Số, ngày quyết định công nhận NCS	Tên NHDđộc lập hoặc đồng hướng dẫn 1		Tên người đồng hướng dẫn 2 (nếu có)		Đơn vị công tác của NHDng oài cơ sở	Tên đề tài luận án	Ngành, mã số	Tên đề tài luận án sau khi điều chỉnh (nếu có)	Số, ngày quyết định công nhận học vị tiến sĩ
								Công tác tại CSĐT	Công tác ngoài CSĐT	Công tác tại CSĐT	Công tác ngoài CSĐT					
1								X								
2										X						

¹ Thứ tự NCS được sắp xếp theo nhóm các khoá tuyển sinh.

² Ghi thời gian theo kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khoá (VD: 2021-2024).

II. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy và hướng dẫn nghiên cứu sinh

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Chức danh khoa học (GS/PGS)	Trình độ	Mã số CCCD/ Hộ chiếu	Số lượng NCS đang hướng dẫn	Số lượng công bố khoa học trong vòng 05 năm ³	Thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ	Danh hiệu Nghệ sĩ Ưu tú hoặc Nghệ sĩ Nhân dân
1											
2											

III. Danh sách các đề tài nghiên cứu khoa học của CSĐT gắn với hoạt động đào tạo nghiên cứu sinh

STT	Tên đề tài	Cấp phê duyệt	Thời gian thực hiện	Tên NCS tham gia

IV. Tồn tại, hạn chế (nếu có)

V. Nguyên nhân và giải pháp khắc phục

VI. Kiến nghị của CSĐT

Lãnh đạo CSĐT
(Ký tên và đóng dấu)



³ Thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước đánh giá 0,75 điểm công trình trở lên.